

Số: 19 /2015/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 08 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, cá nhân trong công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;
Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 869/TTr-STP ngày 30/9/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, cá nhân trong công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Noinhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban TT UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố (Sao gửi UBND các xã, phường, thị trấn);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVNC^{Hào}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Doãn Thế Cường

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm
hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /2015/QĐ-UBND
ngày 08 /10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, hình thức, nội dung, trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây viết tắt là các sở, ban, ngành), Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là UBND cấp xã), cơ quan quản lý trực tiếp người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
2. Đúng chức năng, nhiệm vụ và trên tinh thần chủ động.
3. Không ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn của các cơ quan liên quan.
4. Có sự phân công, phối hợp chặt chẽ, bảo đảm công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính được thực hiện kịp thời, thông suốt, hiệu quả.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Hội thảo, tọa đàm, điều tra, khảo sát.
3. Tổ chức họp liên ngành.
4. Thành lập đoàn kiểm tra, thanh tra liên ngành.
5. Sơ kết, tổng kết.

6. Các hình thức khác.

Chương II

Nội dung và trách nhiệm phối hợp trong công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Điều 5. Tổ chức thực hiện, theo dõi, xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

a) Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản của cấp có thẩm quyền hướng dẫn, chỉ đạo xử lý vi phạm hành chính theo phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

b) Chủ động rà soát, theo dõi tình hình áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý; kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn, hoặc chồng chéo, mâu thuẫn.

2. Sở Tư pháp

a) Thực hiện các nội dung và trách nhiệm quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện về những vướng mắc trong quá trình thực thi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương đề nghị UBND tỉnh, cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn để nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 6. Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật xử lý vi phạm hành chính

1. Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh và cấp huyện tổ chức phổ biến pháp luật xử lý vi phạm hành chính với nội dung và hình thức phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

2. Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh, Phòng Tư pháp tham mưu UBND cấp huyện nghiên cứu, biên soạn tài liệu hoặc thu thập, tổng hợp các tài liệu đã phát hành phục vụ công tác phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Nội vụ tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cho người làm công tác xử lý vi phạm hành chính để việc áp dụng các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được đầy đủ, chính xác.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng

Mở chuyên trang, chuyên mục giới thiệu Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành; đưa tin, bài phản ánh tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 7. Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Theo đề nghị của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

2. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

a) Cử công chức tham gia đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập.

b) Tổ chức kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý. Báo cáo kết quả kiểm tra về UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp). Nội dung báo cáo kết quả kiểm tra theo quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều 21 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ và theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 8. Thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; cử công chức tham gia đoàn thanh tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Sở Tư pháp

a) Kiến nghị các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tổ chức thanh tra và báo cáo kết luận thanh tra về UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) khi có kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

b) Tham gia đoàn thanh tra liên ngành do UBND tỉnh thành lập theo quy định tại Khoản 6 Điều 30 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP hoặc do cơ quan, người có thẩm quyền thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh trong việc xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của địa phương và tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính tại Bộ Tư pháp.

2. Các sở, ban, ngành, cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định các biện pháp xử lý vi phạm hành chính, cơ quan thi hành quyết định xử phạt, thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính, cơ quan thi hành các quyết định áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm gửi văn bản, quyết định quy định tại khoản 6 Điều 17 Luật Xử lý vi phạm hành chính đến Sở Tư pháp để phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

3. UBND cấp huyện có trách nhiệm quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa bàn cấp huyện, chỉ đạo các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, các cơ quan có liên quan cung cấp thông tin để phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của cơ quan nhà nước cấp trên.

Điều 10. Thống kê về xử lý vi phạm hành chính

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

a) Thực hiện các nhiệm vụ thống kê trong phạm vi quản lý của sở, ban, ngành, địa phương mình theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện công tác thống kê theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Sở Tư pháp

a) Thực hiện các nhiệm vụ thống kê theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

b) Thực hiện nhiệm vụ thống kê trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

Điều 11. Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính

1. Thủ trưởng cơ quan của người đã ra quyết định xử phạt

Gửi văn bản về việc công bố công khai và bản sao quyết định xử phạt vi phạm hành chính đến người phụ trách Trang thông tin điện tử của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện đối với các trường hợp vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1 Điều 72 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Nội dung thông tin công bố công khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 72 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.

2. Thủ trưởng sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện

Chỉ đạo việc tiếp nhận văn bản đề nghị công khai thông tin và đăng đầy đủ các nội dung thông tin cần công khai theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.

Điều 12. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Báo cáo về công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình (gồm cả cấp huyện, cấp xã) gửi Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 4 đối với báo cáo định kỳ 06 tháng; trước ngày 10 tháng 10 đối với báo cáo hàng năm để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tư pháp. Nội dung báo cáo theo quy định tại Khoản 1,

Khoản 2, Khoản 3 Điều 25 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và Thông tư số 10/2015/TT-BTP.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh

Báo cáo về tình hình xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình gửi Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 4 đối với báo cáo định kỳ 06 tháng; trước ngày 10 tháng 10 đối với báo cáo năm để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Bộ Tư pháp và UBND tỉnh. Nội dung báo cáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và Thông tư số 10/2015/TT-BTP.

3. Thời điểm lấy số liệu đối với báo cáo định kỳ 06 tháng tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 31 tháng 3 năm sau; đối với báo cáo hàng năm, từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

Điều 13. Theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Đề nghị các cơ quan, tổ chức tổng hợp thông tin kiến nghị, phản ánh về xử lý vi phạm hành chính, gửi UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) hoặc UBND cấp huyện (qua Phòng Tư pháp).

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, huyện, thành phố và các tổ chức thành viên: Thông tin kiến nghị, phản ánh của nhân dân thông qua hoạt động giám sát, phản biện xã hội.

b) Cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh: Thông tin kiến nghị, phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động thi hành pháp luật.

c) Hội Luật gia tỉnh và các Chi Hội luật gia, Đoàn Luật sư tỉnh: Thông tin kiến nghị, phản ánh của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý.

d) Các tổ chức xã hội, hội nghề nghiệp: Thông tin kiến nghị, phản ánh của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật, tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền, tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản pháp luật và các vấn đề có liên quan khác.

đ) Các cơ quan thông tin đại chúng: Thông tin kiến nghị, phản ánh của dư luận xã hội.

2. Các cá nhân: Gửi phản ánh, kiến nghị trực tiếp đến Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp hoặc thông qua các phương tiện thông tin đại chúng:

a) Về hành vi vi phạm pháp luật xử lý vi phạm hành chính của cơ quan, người có thẩm quyền;

b) Các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản áp dụng pháp luật có nội dung trái pháp luật, chòng chèo, mâu thuẫn, không khả thi, không phù hợp với thực tiễn.

Chương III

Tổ chức thực hiện

Điều 14. Sở Tư pháp

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch hoặc đề xuất nội dung phối hợp liên ngành trong quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

2. Theo dõi, đôn đốc, đánh giá kết quả việc thực hiện Quy chế, tổng kết kinh nghiệm, những giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

3. Là cơ quan đầu mối tiếp nhận báo cáo của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, thông tin kiến nghị, phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; giúp UBND tỉnh thực hiện công tác báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 15. Các sở, ban, ngành

Chủ trì hoặc phối hợp với Sở Tư pháp, các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật, Quy chế này, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh; bố trí người đảm nhiệm công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 16. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh kiện toàn tổ chức, bố trí nhân sự thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện quản lý thống nhất công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, các bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan tư pháp địa phương” và Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Điều 17. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp hướng dẫn, bảo đảm kinh phí cho công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và Quy chế phối hợp này trên địa bàn tỉnh.

Điều 18. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Xây dựng kế hoạch về quản lý công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 17 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Chương II Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh.

2. Bố trí nhân sự tại các Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch để thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn huyện, thành phố.

3. Bố trí ngân sách cho hoạt động quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, thẩm quyền của cấp huyện.

4. Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh.

Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND cùng cấp thực hiện nội dung và trách nhiệm phối hợp theo quy định tại Quy chế này.

Điều 19. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn pháp luật quy định, phối hợp với Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, các cơ quan liên quan quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, thực hiện Quy chế này, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Doãn Thế Cường